

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT [NGHE TIẾNG TRUNG 2]

Mã học phần: CLI32022– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Nghe tiếng Trung 1

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Kỹ năng Nghe 2 nhằm giúp người học:

- G1: Nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu các bài đọc.
- G3: Vận dụng tốt kỹ năng nghe – nói, có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...
- G4: Có kiến thức, tích lũy và mở rộng vốn từ về tin tức, giao thông, thời tiết, khí hậu, thói quen sinh hoạt,...hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, dịch thuật...
- G5: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- G6: Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.
- G7: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thức; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Kỹ năng Nghe 2 phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1 Kiến thức

- a1: Nắm vững, nghe hiểu các nhóm từ vựng liên quan về các chủ đề trong học phần. Nắm vững kiến thức về các mẫu câu cơ bản đã học, đồng thời bổ sung mở rộng thêm một số các từ trọng điểm và kết cấu ngữ pháp mới để có thể nghe hiểu đúng nghĩa của câu và nội dung bài.
- a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.

3.2 Kỹ năng

- b1: Sử dụng thành thạo kỹ năng nghe ở cấp độ HSK3 gồm nghe từ, câu, hội thoại đơn giản tiếng Trung Quốc, nghe nhanh, đúng, chính xác, phân biệt thanh mẫu, vận mẫu thanh điệu, trọng âm và biến điệu.
- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...

- b3: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

3.3 Phẩm chất, thái độ

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.

- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.

- c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 毛悦, 《汉语听力速成-基础篇》,北京语言大学出版社+ CD, 2010

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Khương Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

[4.2.2]. Khương Lê Bình, Giáo trình chuẩn HSK 3 (sách bài tập), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nội dung kế hoạch dạy học:

Thời lượng: 30 tiết; 02 tiết/bài

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
02 tiết	Bài 1: 校园生活 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: 开阔眼界、体会、演讲……、 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 那要看……了、这样一来 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 1, chuẩn bị bài 2, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về chủ đề cuộc sống trong trường học.	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
02 tiết	Bài 2: 饮食 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng: —开铁板牛肉、香菇菜心、荤、素、主食、学以致用... ...l và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: -,,,什么,,,什么\、-,,, 吧, ,,,吧!“V+起来,,,”“听,,,的” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 2, chuẩn bị bài 3, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về chủ đề ẩm thực.	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

02 tiết	Bài 3: 交通状况 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 堵车、污染、高峰、拐、不见得 và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: 有 的好处、早知 道....., 真不如..... - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 3, chuẩn bị bài 4, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về chủ đề tình hình giao thông.	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
02 tiết	Bài 4: 婚姻与家庭 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : —恭喜、对象、婚纱、礼服、一窍不通、跟上、分担... ... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: —别提了、—干脆、—对,,,熟 悉、 “无论,,,都,,,” - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 4, chuẩn bị bài 5, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube tìm hiểu về chủ đề hôn nhân và gia đình.	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 5: 体育运动</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 届、决赛、击败...và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: A 以 失利、对 着迷、.....真不简单、.....对.....有影响</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 6, chuẩn bị bài 6, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề thể dục thể thao</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>02 tiết</p>	<p>Bài 6: 参观旅游</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 一举两得、举世闻名、赠给、享有、声誉、各有所长、美中不足.....l và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: 说的也是、——是“”，二是“”、——随着、——前者“”，后者“”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 6, chuẩn bị bài 7, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề thăm quan du lịch</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 7: 疾病与治疗 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 失眠、干扰、良好、记忆力、症状、脉搏、流感、缺少、患者... ...và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: –要不然 、–由,,,引起 、 –受,,,欢迎 、–不得不 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 7, chuẩn bị bài 8, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube tìm hiểu về chủ đề bệnh và trị bệnh</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>02 tiết</p>	<p>Bài 8: 职业与工作 + KTGHP 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 人选、求职、职位、招聘、业务..... và bài nghe - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc:目的是为了.....、以便、引起.....的注 - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 8, chuẩn bị bài 9, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube tìm hiểu về chủ đề công việc và nghề nghiệp</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi - Kiểm tra giữa học phần: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 15 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 9: 健康 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : —清新、根据、氧气、二氧化碳、生物钟、安宁、促进、心理学家、力不从心.....và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: -.....着呢、-不仅,,,还 (而且) ,,,,、-反正、-把,,,分为</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 9, chuẩn bị bài 10, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube tìm hiểu về chủ đề sức khỏe</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>02 tiết</p>	<p>Bài 10: 谈网络 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng:网瘾、下载、无线,随时随地、特别是...và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, câu trúc: 关键是.....、随时随地、通过、以至于</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 10, chuẩn bị bài 11, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube tìm hiểu về chủ đề mạng internet</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 11: 风俗与禁忌</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : —传统、泼水节、吉祥、少数民族、纪念、感恩…….I và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu,</p> <p>cấu trúc: —舍不得I、—跟/和/与,,,,恰恰相反I、—从,,,,角度来讲I、—对,,,,而言I、—按,,,,来说I</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 11, chuẩn bị bài 12, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề phong tục và kiêng kị</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
-----------------------	--	--	---	--

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 12: 自然 与环境</p> <p>1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : 关注、融化、灾害、废水、污水... và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc:以来、与.....息息相关、再加上.....、从.....做起</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 12, chuẩn bị bài 13, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề môi trường tự nhiên</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
-----------------------	---	--	---	--

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 13: 现代生活</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4 	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : —固定、稳定、养生、健身器械、持之以恒……‖và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 再怎么, ……‖—考虑到‖</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 13, chuẩn bị bài 14, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề cuộc sống hiện đại</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
-----------------------	--	--	---	--

<p>02 tiết</p>	<p>Bài 14: 科学与迷信</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4 	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng : : —财运、一路畅通、转运、运势、巧合、风水、所谓..... và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc: 干吗不,,,呢? Ⅱ、—说得过去Ⅱ、“又寸,,,有研究”、“所谓,,, 就 是,,,”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 14, chuẩn bị bài 15, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề khoa học và mê tín</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
-----------------------	---	---	---	--

02 tiết	<p>Bài 15: 影视娱乐</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ mới 2. Bài nghe 1 3. Bài nghe 2 4. Bài nghe 3 5. Bài nghe 4 	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng 古装剧、悠久、号召力、挑刺、宣传片、开幕式、爱屋及乌..... và bài nghe</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan, giảng viên làm mẫu cho sinh viên luyện phát âm, hướng dẫn mẫu câu, cấu trúc 冲着,,, (来/去的) ㄟ、一居然ㄟ、“何必”</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ, luyện nghe và trả lời câu hỏi</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 15, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về chủ đề điện ảnh giải trí</p>	<p>-Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
---------	--	--	---	--

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra								
			a1	a2	b1	b2	b3	c1	c2	c3	c4
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%									

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, b2, c1, c2

Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá khả năng tiếp tục từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe của sinh viên ở cấp độ HSK3 (từ bài 1 đến bài 7)

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b3, c3, c4

Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng tiếp tục từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Nghe của sinh viên ở cấp độ HSK3 (từ bài 8 đến bài 15)

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của người học
 - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học vào kỹ năng Viết và giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK3
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1; a2; b1; b2; b3; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Nắm vững, nghe hiểu các nhóm từ vựng liên quan về các chủ đề trong học phần. Nắm vững kiến thức về các mẫu câu cơ bản đã học, đồng thời bổ sung mở rộng thêm một số các từ trọng điểm và kết cấu ngữ pháp mới để có thể nghe hiểu đúng nghĩa của câu và nội dung bài.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.					
b1: Sử dụng thành thạo kỹ năng nghe từ, câu, hội thoại đơn giản tiếng Trung Quốc, nghe nhanh, đúng, chính xác, phân biệt thanh mẫu, vận mẫu thanh điệu, trọng âm và biến điệu.	Sử dụng tốt	Sử dụng khá tốt	Sử dụng ở mức trung bình	Sử dụng ở mức hạn chế	Sử dụng ở mức rất hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa

+ projector

+ Loa, Đài cassette

+ Lớp học không quá 35 sinh viên

Yêu cầu đối với sinh viên:

+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.

+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (bảng, đĩa).

+ Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học

+ Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ

+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Chú ý an toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn. Chống bạo lực học đường

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

Tổ Tiếng Trung